

Số: 2327 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 03 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Xét hồ sơ và Văn bản số 01/CV-NTN ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 02/CV-MPH ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Hộ chăn nuôi Mang Phi Hùng về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín, giai đoạn 1 quy mô 60.000 con/lứa vị trí thực hiện ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 7433./TTr-STNMT ngày 25 tháng 11 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Hộ chăn nuôi Mang Phi Hùng địa chỉ ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín, giai đoạn 1 quy mô 60.000 con/lứa vị trí thực hiện ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

- Tên Cơ sở: Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín, giai đoạn 1 quy mô 60.000 con/lứa.
- Địa điểm hoạt động: ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.
- Văn bản số 1289/UBND-KTTC ngày 26/5/2009 của UBND tỉnh về việc đầu tư trại chăn nuôi gà công nghiệp theo mô hình trại lạnh.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chăn nuôi gà thịt.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Quy mô, công suất: 60.000 con/lúa.

- Thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Hộ chăn nuôi Mang Phi Hùng được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Hộ chăn nuôi Mang Phi Hùng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Hộ chăn nuôi Mang Phi Hùng hoặc tại trụ sở UBND xã Thạnh Bắc; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.7. Thực hiện thủ tục về đất đai của Trại chăn nuôi theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì, phối hợp với UBND huyện Tân Biên và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Trại chăn nuôi của Hộ chăn nuôi Mang Phi Hùng được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận: *Ual*

- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Tân Biên;
- UBND xã Thạnh Bắc;
- HCN Mang Phi Hùng;
- Đăng tải trang thông tin điện tử của Sở TN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

8

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.**



[Handwritten Signature]
Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND
ngày ... tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng 0,8 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi (04 chuồng trại), lưu lượng 1,0m³/ngày.đêm/dây chuồng.
- Nguồn số 03: nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, lưu lượng 1,0 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Dòng nước thải số 01: nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại rồi dẫn về mương sinh học 01 để xử lý đạt cột A, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT.
- Dòng nước thải số 02: nước thải chăn nuôi phát sinh tại các chuồng số 1 và số 2 được thu gom về bể lắng 1 rồi dẫn về mương sinh học 02 để xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT.
- Dòng nước thải số 03: nước thải chăn nuôi phát sinh tại các chuồng số 3 và số 4 được thu gom về bể lắng 2 rồi dẫn về mương sinh học số 03 để xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Ba (03) mương sinh học có chống thấm trong khuôn viên Trại chăn nuôi, không xả nước thải ra môi trường.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại mương sinh học số 1 tọa độ: X = 1289 480; Y = 563 100;
- Tại mương sinh học số 2 tọa độ: X = 1289 504; Y = 562 980;
- Tại mương sinh học số 3 tọa độ: X = 1289 592; Y = 562 987.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° 30', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2,8 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả thải: liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đối với dòng nước thải số 1 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A.

2.3.4. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đối với dòng nước thải số 2, 3 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh với lưu lượng lớn nhất là 0,8 m³/ngày.đêm được xử lý bằng bể tự hoại, số lượng 01 bể tự hoại thể tích 7,2 m³; nước thải sau bể tự hoại chảy ra mương sinh học 01.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi bao gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi và nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi với lưu lượng lớn nhất là 2,0 m³/ngày được thu gom về bể lắng 03 ngăn. Nước thải sau bể lắng 03 ngăn chảy ra mương sinh học để xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải → bể tự hoại → mương sinh học 01.

- Nước thải chăn nuôi:

Nước thải chăn nuôi phát sinh tại các chuồng số 1 và số 2 → bể lắng 03 ngăn số 01 → mương sinh học 02.

Nước thải phát sinh tại các chuồng số 3 và số 4 → bể lắng 03 ngăn số 02 → mương sinh học 03.

Hóa chất sử dụng: chế phẩm men vi sinh, vật liệu lọc (sỏi, than hoạt tính, cát).

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 01 bể tự hoại, kích thước: 3m x 2m x 1,2m, kết cấu vật liệu nền đáy bê tông, tường gạch.

- 02 bể lắng ba ngăn, kích thước 3m x 1,5m x 1,5m, kết cấu vật liệu nền đáy bê tông, tường gạch.

- 03 mương sinh học, kích thước: 3m x 1m x 1,2m; kết cấu vật liệu lót bạt HDPE, vật liệu lọc (sỏi, than hoạt tính, cát), trên bề mặt có trồng cây.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.
- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.
- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.
- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của mương sinh học xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

3. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín của hộ chăn nuôi Mang Phi Hùng bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chủ Trại chăn nuôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22.22./GPMT-UBND
ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng số 01 thải ra môi trường, với lưu lượng lớn nhất 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng số 02 thải ra môi trường, với lưu lượng lớn nhất 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng số 03 thải ra môi trường, với lưu lượng lớn nhất 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 04: Bụi, khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng số 04 thải ra môi trường, với lưu lượng lớn nhất 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 05: Bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng số 1 có công suất 150 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải lớn nhất phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 305,357 m³/giờ.

- Nguồn số 06: Bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng số 2 có công suất 150 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải lớn nhất phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 305,357 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải, bụi:

- Dòng khí thải số 01: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 01, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1289 508; Y = 562 976;

- Dòng khí thải số 02: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 02, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1289 536; Y = 562 979;

- Dòng khí thải số 03: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 03, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1289 565; Y = 562 982;

- Dòng khí thải số 04: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 04, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1289 592; Y = 562 982;

- Dòng khí thải số 05: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng số 1 của Cơ sở thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng số 1; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1289 578; Y = 563 038;

- Dòng khí thải số 06: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng số 2 của Cơ sở thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng số 2; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1289 577; Y = 563 038.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01 đến 04: lưu lượng xả khí thải tối đa là $44.800 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{quạt} \times 10 \text{ quạt} = 448.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

- Dòng khí thải số 05, 06: lưu lượng xả khí thải tối đa là $305,357 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải, bụi:

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 04: khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi chuồng có 10 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.

- Nguồn khí thải số 05, số 06: xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi có sự cố mất điện phải vận hành máy phát điện dự phòng.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số từ số 01 đến số 04 đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - QCVN 05:2023/BTNMT:

TT	Tên chất	Đơn vị	Thời gian trung bình	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	μg/Nm ³	1 giờ	42	02lần/năm	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	NH ₃	μg/Nm ³	1 giờ	200		
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	μg/Nm ³	24 giờ	200		

- Dòng khí thải số 05, 06 đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số $K_v = 1,0$, $K_p = 1,0$):

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	$P \leq 20.000$	Không	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Bụi	mg/Nm ³	200		
3	NO _x	mg/Nm ³	850		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		
5	CO	mg/Nm ³	1.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 04: khí thải từ các chuồng nuôi xả khí thải ra môi trường thông qua các quạt hút của nhà nuôi.

- Nguồn số 03: khí thải từ máy phát điện, công suất 150 KVA sử dụng nhiên liệu dầu DO được thoát ra ngoài môi trường theo ống thải cao 3m, vật liệu Inox.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ các chuồng nuôi gà: khí thải → quạt hút → công trình xử lý khí thải (lắp đặt khung sắt, các vách được phủ bằng lưới lan bao quanh, lắp đặt hệ thống phun sương) → thoát ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phát lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị xử lý khí thải thường xuyên; định kỳ bảo dưỡng thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các hệ thống điện, hệ thống quạt hút thoát khí thải cho nhân viên vận hành.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Khi xảy ra sự cố ngừng hoạt động quạt hút bị sự cố, tìm nguyên nhân khắc phục sự cố kịp thời.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để giám sát vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2222/GPMT-UBND
ngày ... tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 01.
- Nguồn số 02: phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 02.
- Nguồn số 03: phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 03.
- Nguồn số 04: phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 04.
- Nguồn số 05: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng số 01.
- Nguồn số 06: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng số 02.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn 01: chuồng nuôi 01, tọa độ: X = 1289 501; Y = 562 987;
- Nguồn 02: chuồng nuôi 02, tọa độ: X = 1289 531; Y = 562 987;
- Nguồn 03: chuồng nuôi 03, tọa độ: X = 1289 562; Y = 562 989;
- Nguồn 04: chuồng nuôi 04, tọa độ: X = 1289 591; Y = 562 991;
- Nguồn 05: máy phát điện dự phòng số 01, tọa độ: X = 1289 578; Y = 563 038.
- Nguồn 06: máy phát điện dự phòng số 02, tọa độ: X = 1289 577; Y = 563 038.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành; các máy móc, thiết bị phục vụ chăn nuôi được bảo trì bảo dưỡng định kỳ (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường chăn nuôi.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2222/GPMT-UBND
ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	2,5	Rắn	NH	16 01 06
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) <i>(Kim tiêm)</i>	10	Rắn/lỏng	NH	13 02 01
3	Pin, ắc quy thải	5	Rắn	NH	16 01 12
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	2,5	Rắn	KS	08 02 04
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải <i>(Bao bì, chai lọ thuốc, vaccine)</i>	10	Rắn	KS	18 01 03
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	10	Rắn	KS	18 02 01
7	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh) <i>(Gà chết do dịch bệnh)</i>	Không xác định	Rắn	NH	14 02 01
Tổng cộng		40			

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải rắn	Khối lượng phát sinh (tấn/lứa)	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải
1	Phân động vật, phân bón hữu cơ thải (gồm cả rơm) (Phân gà trộn vỏ trấu lót chuồng)	291,1	Rắn/bùn	TT	14 01 12
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khí thải ra không phải là CINH) thải (Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi)	0,045	Rắn	TT-R	18 01 06
3	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (Xác gà chết không do dịch bệnh)	0,09	Rắn	TT	13 02 04
Tổng khối lượng		291,235			

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên	120
Tổng khối lượng		120

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Một (01) kho lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 12m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: kho được xây tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn; nền bê tông, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong

trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

- Chất thải nguy hại được thu gom, lưu trữ trong các thùng nhựa, dậu kín, không bị hư hỏng, đổ vỡ. Trước khi vận chuyển, bao bì, thùng chứa đựng CTNH được dán nhãn theo đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Một (03) hầm hủy xác gà có diện tích 1m²/hầm.

- Một (01) kho chất thải rắn thông thường có diện tích 16m².

- Thiết kế, cấu tạo: xây dựng kho chứa có kết cấu khung thép bao quanh bằng tôn, mái lợp tôn, nền bê tông đảm bảo kín, không bị thấm thấu, có thu nước rỉ, có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.2.3. Biện pháp xử lý:

- Phân gà và trâu: thu gom vào bao, xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu.

- Xác gà chết không do dịch bệnh: Cơ sở thu gom về hầm chôn bê tông, kích thước 1m x 1m x 1,5m/hầm (thể tích 1,5m³/hầm), kết cấu bê tông chống thấm, có ống thu nước rỉ, có nắp dậu kín để hạn chế mùi hôi phát tán.

Quy trình hủy xác gà: đầu tiên rải một lớp vật liệu độn gồm trâu và mùn cưa với độ dày khoảng 5 cm. Sau đó đặt xác gà đã được phun chế phẩm sinh học lên lớp trâu và mùn cưa và phủ tiếp một lớp mùn cưa, tro, trâu dày 5cm lên trên xác; định kỳ phun chế phẩm khử mùi EM 1 lần/ngày để hạn chế phát sinh mùi hôi. Sau khoảng 2-3 tháng xác gà sẽ được phân hủy hoàn toàn và trâu, mùn cưa sẽ được thu gom và bán cho đơn vị có nhu cầu.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp dậu.

- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố dịch bệnh xảy ra trên diện rộng:

- Đối với gà chết do dịch bệnh, Cơ sở trình báo ngay và làm theo hướng dẫn của cơ quan chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý thích hợp theo quy định và để tìm nguyên nhân gây chết, phòng tránh bệnh dịch lây lan. Đồng thời, căn cứ theo quy định tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh tuân thủ theo QCVN 01 - 41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; QCVN 01-79: 2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm - quy trình kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y và QCVN 01- 99:2012/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện vệ sinh thú y khu cách ly kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật.

- Bố trí khu đất dự phòng nằm cuối lô đất thực hiện Cơ sở. Khi có trường hợp dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, không thể di chuyển xác gà chết do dịch bệnh đến nơi tiêu hủy, Cơ sở bố trí các hố chôn tại khu đất dự phòng để chôn lấp, tiêu hủy xác gà chết do dịch bệnh tại Cơ sở.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2322/GPMT-UBND
ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Dự án Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín với quy mô 600.000 con gà thịt/năm được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 12/8/2009.

Giấy phép môi trường này chỉ thực hiện cấp phép cho giai đoạn 1 Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín với quy mô 60.000 con/lứa. Sau khi Hộ chăn nuôi Mang Phi Hùng thực hiện giai đoạn 2 của Dự án, phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép môi trường cho toàn Dự án (bao gồm cả 02 giai đoạn) theo quy định pháp luật của Luật Bảo vệ môi trường 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi được thu gom về mương sinh học xử lý nước thải của Trại chăn nuôi để xử lý đạt yêu cầu của QCVN 62 - MT:2016/BTNMT và QCVN 14:2008/BTNMT, cột A.

2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo chất lượng không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

3. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

4. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả chăn nuôi.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất.

7. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Trại chăn nuôi theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Trại chăn nuôi đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

9. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

10. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới

3 TAY